

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2023.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Trần Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2023 về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 16/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Hồng L** - sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Th Th, xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Ông Phạm Tiến D** – sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Th Th, xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L trình bày:

Bà và ông Phạm Tiến D tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/2001.

Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông D chơi cờ bạc và có quan hệ ngoại tình, bà đã khuyên bảo nhưng không có tác dụng dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau và cuộc sống chung vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay không còn quan tâm chăm

sóc nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phạm Lê Uyên Nh – sinh ngày 28/02/2002 và cháu Phạm Lê Ý Nh – sinh ngày 07/6/2006. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Lê Ý Nh. Không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Phạm Lê Uyên Nh đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Tiến D trình bày:*

Ông và bà Lê Thị Hồng L tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/2001.

Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà L có quan hệ ngoại tình với ông Nguyễn Tấn L nên ông đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà L không thừa nhận có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Trong cuộc sống gia đình bà L tự làm theo ý mình không có bàn bạc với ông.

Trước đây khi vợ chồng sống chung với nhau thì ông thừa nhận có quan hệ ngoại tình bên ngoài và chơi cờ bạc vào năm 2013 nhưng hiện nay ông đã thay đổi bản thân từ bỏ ngoại tình và cờ bạc để chăm sóc cho gia đình. Từ năm 2016 đến nay tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc nhau.

Hiện nay, ông không chịu đựng được tính cách của bà L và bên đạo công giáo nên ông không đồng ý ly hôn mặc dù bà L có quan hệ ngoại tình và mong muốn bà L thay đổi bản thân quay trở về sống với ông cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phạm Lê Uyên Nh – sinh ngày 28/02/2002 và cháu Phạm Lê Ý Nh – sinh ngày 07/6/2006. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, ông đồng ý để cho bà L nuôi dưỡng cháu Phạm Lê Ý Nh. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với các cháu Phạm Lê Uyên Nh đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý

do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 85, 89, 90, 91, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng L cho bà Lê Thị Hồng L được ly hôn với ông Phạm Tiến D.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Ý Nh – sinh ngày 07/6/2006 cho bà Lê Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu cấp dưỡng.

Đối với cháu Phạm Lê Uyển Nh đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Hồng L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Phạm Tiến D hiện nay đang cư trú tại tổ 2, ấp Th Th, xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị Hồng L khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Tiến D và yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Lê Ý Nh – sinh ngày 07/6/2006 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà Lê Thị Hồng L là nguyên đơn và ông Phạm Tiến D là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tổng đạt văn bản tố tụng: Các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ngày 16/8/2023, Tòa án mở phiên tòa nhưng do ông Phạm Tiến D vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 08/9/2023.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Phạm Tiến D đã được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Hồng L và ông Phạm Tiến D kết hôn là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/2001, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản lấy lời khai của các đương sự, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Bà Lê Thị Hồng L yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Tiến D vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Mặc dù ông Phạm Tiến D không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết ông Phạm Tiến D thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng tuy sống chung nhà từ năm 2016 đến nay mỗi người có một cuộc sống riêng.

Xét thấy: Trong cuộc sống ông D, bà L đã có những cư xử chưa phù hợp với cuộc sống chung của vợ chồng dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lan là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Ông Phạm Tiến D, bà Lê Thị Hồng L có 02 người con chung là cháu Phạm Lê Uyên Nh – sinh ngày 28/02/2002 và cháu Phạm Lê Ý Nh – sinh ngày 07/6/2006.

Xét thấy: Cháu Phạm Lê Ý Nh có nguyện vọng ở với bà L và được bà L được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Ông Phạm Tiến D đồng ý để cho bà Lan nuôi dưỡng cháu Phạm Lê Ý Nh. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho con nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phạm Lê Ý Nh cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Đối với cháu Phạm Lê Uyên Nh đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Hồng L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng L được ly hôn với ông Phạm Tiến D.

2. Về con chung: Ông Phạm Tiến D, bà Lê Thị Hồng L có 02 người con chung là cháu Phạm Lê Uyên Nh – sinh ngày 28/02/2002 và cháu Phạm Lê Ý Nh – sinh ngày 07/6/2006. Giao cho bà Lê Thị Hồng L có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con chung là cháu Phạm Lê Ý Nh. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lan không yêu cầu.

Đối với cháu Phạm Lê Uyên Nh đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Ông Phạm Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng L phải chịu 300.000^d (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (về ly hôn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0001174 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Lâm (số 77, ngày 08/10/2001) để ghi vào sổ hộ tịch ;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bá Đức

